

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 39

Phẩm 9: NÓI VỀ ĐỊNH (PHẦN 2)

Như thế đã giải thích riêng về việc tĩnh lự rồi, các Đăng chí đạt được thế nào? Tụng rằng:

*Toàn không thành, mà được
Tịnh do lìa nhiễm sinh
Vô lậu do lìa nhiễm
Nhiễm do sinh và thoái.*

Luận chép: Tám Đăng chí căn bản tùy theo đối tượng thích ứng của Đăng chí. Nếu hoàn toàn không thành mà đạt được, thì các Đăng chí tịnh do hai nhân duyên:

1. Do lìa nhiễm, nghĩa là khi ở địa dưới lìa nhiễm địa dưới.
2. Do thọ sinh, nghĩa là lúc từ địa trên sinh xuống tự địa, bảy địa dưới đều như thế. Hữu Đảnh thì không như vậy, chỉ do lìa nhiễm, vì không có địa trên, không có từ địa trên, thọ sinh ở địa đó.

Trong đây, chỉ nói Đăng chí, căn bản, vì khi các phần gần chưa lìa nhiễm, có khi hoàn toàn không thành, do gia hạnh đắc.

Vì sao ngăn chặn hoàn toàn không thành? Vì ngăn dứt đã thành, lại được phần ít, như do gia hạnh đắc Đăng chí tịnh gốc và do lui sụt, nên được thuận phần thoái kia, tức y cứ ở nghĩa này, đặt ra câu hỏi: Vả, có định tịnh, do ly nhiễm đắc, do ly nhiễm xả, do lui sụt đắc, do lui sụt xả, do sinh đắc, do sinh xả hay chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là thuận phần thoái. Vả lại, Sơ tĩnh lự thuận về phần thoái, khi lìa nhiễm dục đắc, khi lìa nhiễm mình xả, lui sụt lìa nhiễm mình đắc, lui sụt lìa nhiễm xả. Từ sinh địa trên tự đắc, từ tự sinh xả địa dưới, thuộc về địa khác, nên như lý tư duy. Vô lậu, chỉ do lìa nhiễm nên đắc, nghĩa là bậc Thánh lìa nhiễm địa dưới, đắc vô lậu của địa trên. Việc này cũng chỉ căn cứ hoàn toàn không thành, nếu trước đã

thành thì thời gian khác cũng được, nghĩa là vị Tận trí đắc đạo Vô học. Khi luyện căn, được Hữu học, Vô học, gia hạnh khác và lui sụt, đều như lý nên tư duy. Mặc dù có do nhập chánh tánh ly sinh đạt được Đẳng chí vô lậu căn bản mà không phải chắc chắn. Do thứ lớp, nghĩa là bấy giờ, chưa được định căn bản. Trong đây, chỉ luận chắc chắn người chứng đắc, bậc Thánh lìa nhiễm của địa dưới, chắc chắn đạt được định vô lậu căn bản của địa trên. Nhiễm do thọ sinh và lui sụt nên được, nghĩa là khi chết ở địa trên, sinh xuống địa dưới, được nhiễm của địa dưới và khi lui sụt sự lìa nhiễm của địa này, được nhiễm của địa này, không do lìa nhiễm và gia hạnh đắc.

Hai thời gian như thế, có công năng xả nhiễm. Đẳng chí Vô gián thế nào? Có bao nhiêu Đẳng chí sinh? Tụng rằng:

*Vô lậu kế sinh thiện
Trên dưới đến thứ ba
Tịnh kế sinh cũng vậy
Sinh cả nhiễm địa mình
Nhiễm sinh tự nhiễm tịnh.
Và một địa tịnh dưới
Chết tịnh, sinh tất cả
Nhiễm sinh từ nhiễm dưới.*

Luận chép: Vô lậu thứ lớp sinh, từ việc thiện trên, dưới, khéo nói gồm nhiếp đủ tịnh và vô lậu, vì rất trái với, nên sẽ không sinh nhiễm. Nhưng ở trên, dưới đều đến thứ ba vì xa, không có khả năng siêu việt sinh thứ tư. Đối với vô lậu trong bảy Đẳng chí, từ Sơ tĩnh lự Vô gián sinh sáu. Nghĩa là tự hai, ba đều tịnh, vô lậu, Vô sở hữu xứ Vô gián sinh bảy. Nghĩa là tự địa trên sáu, địa dưới chỉ có tịnh. Tĩnh lự thứ hai Vô gián sinh tám, nghĩa là từ sáu địa trên và hai thức của địa dưới. Vô biên xứ Vô gián sinh chín. Nghĩa là tự sáu địa dưới và ba địa trên. Thứ ba, bốn, không, Vô gián sinh mười. Nghĩa là địa trên, địa dưới tám và địa mình hai. Loại trí Vô gián sinh ra Vô sắc, pháp trí không như vậy. Vì dựa vào duyên khác nhau. Từ Đẳng chí tịnh sinh ra cũng vậy, mà đều gồm sinh nhiễm ô của địa mình, nên Hữu Đảnh tịnh Vô gián sinh sáu. Nghĩa là tự nhiễm tịnh, dưới tịnh vô lậu. Từ Sơ tĩnh lự Vô gián sinh bảy. Vô sở hữu tám, định thứ hai có chín, Thức xứ sinh mười, xứ khác sinh mười một. Từ Đẳng chí nhiễm, sinh tự tịnh nhiễm và sinh thứ lớp định tịnh của một địa dưới. Nghĩa là vì địa mình bị phiền não ép ngặt, vì đối với định tịnh ở dưới, cũng sinh tôn trọng, nên có từ nhiễm sinh, thứ lớp tịnh của địa dưới. Vì rất trái nhau, nên bất sinh vô lậu. Nếu đối với nhiễm, tịnh, có

thể chánh nhận biết rõ, có thể năng từ nhiễm chuyển sinh tịnh địa dưới, tức là tịnh này lại từ tịnh sinh, vì nhận biết rõ, đúng là thuộc về tịnh, nên các nhiễm ô không thể nhận biết rõ, đúng.

Làm sao Đẳng chí kia có khả năng từ nhiễm sinh tịnh?

Vì nguyện lực trước, nghĩa là nguyện trước rằng: Thà được tịnh dưới, chứ không cần nhiễm trên. Vì thế lực của nguyện trước tùy chuyển nối tiếp nhau, nên sau từ nhiễm sinh định tịnh của địa dưới, như trước lập nguyện, mới hướng đến thù miên, đến lúc đã kỳ hạn, thì có thể tỉnh giấc.

Như thế là đã nói tịnh nhiễm sinh nhiễm, chỉ căn cứ ở định tịnh và nhiễm để nói, nếu sinh tịnh, nhiễm, thì sinh nhiễm không như vậy. Nghĩa là khi chết, từ sinh đặc tịnh, mỗi Vô gián sinh tất cả nhiễm. Nếu từ sinh nhiễm, thì mỗi Vô gián, có thể sinh tất cả nhiễm địa dưới của địa mình, bất sinh địa trên. Nghĩa là vì chưa lìa địa dưới, nên đã nói từ tịnh sinh vô lậu.

Là tất cả chủng đều có thể sinh ư? Không như vậy thì thế nào? Tụng rằng:

*Định tịnh có bốn thứ
Tức là thuận phần thoái
Thuận trụ, thuận thắng tiến
Thuận thuộc phần quyết trạch.
Như kế thuận phiên não
Tự vô lậu địa trên
Lẫn nhau đối thứ lớp.
Sinh hai, ba, ba, một.*

Luận chép: Các Đẳng chí tịnh gồm có bốn thứ:

1. Thuận thuộc phần lui sụt.
2. Thuận thuộc phần trụ.
3. Thuận thuộc phần thắng tiến.
4. Thuận thuộc phần quyết trạch.

Địa đều có bốn, Hữu Đảnh chỉ ba, vì Hữu Đảnh kia không còn có địa nào trên để hướng đến, địa ấy không thuận thuộc về phần Thắng tiến.

Trong bốn thứ này, chỉ phần thứ tư có thể sinh vô lậu. Vì sao? Vì bốn thứ này có phần thoái thuận nhau như là, có thể thuận phiên não, thuận phần trụ, có thể thuận với địa mình, thuận phần thắng tiến, có thể thuận với địa trên, thuận với phần quyết trạch, có thể thuận với vô lậu, nên các vô lậu chỉ từ phần này sinh.

Có sư khác nói: Thuận với phần thoái, nghĩa là trụ địa kia có thể lui sụt. Thuận với phần trụ, nghĩa là trụ ở địa kia không lui sụt, cũng không thắng tiến, thuận với phần thắng tiến, nghĩa là trụ ở địa kia, có thể thắng tiến, thuận phần quyết trạch. Nghĩa là ở địa kia khởi Thánh đạo.

Có thuyết nói: Ở địa kia, thuận với thông đạt đế. Do Vô gián này có thể nhập ly sinh. nên biết nghĩa chắc chắn trong đây, nghĩa là các Thánh đạo, do Vô gián này sinh, không phải Vô gián này có thể sinh Thánh đạo. Nếu khác với chắc chắn này, thì nên nói là chỉ pháp Thế đệ nhất gọi là thuận phần quyết trạch.

Có sư khác cho là: Thuận với phần lui sụt. Nghĩa là với các phiền não của địa dưới, địa trên xen lẫn nhau, vì nhiễm, tịnh lần lượt hiện ở trước.

Thuận với phần trụ. Nghĩa là có thể dùng các thứ hành tướng thô, v.v..., để trái bỏ nhiếp thọ địa mình thuộc về hành tướng tinh, v.v... của địa dưới.

Thuận với phần thắng. Nghĩa là quán lỗi của địa mình và công đức của địa trên.

Thuận với phần quyết trạch. Như Noãn, Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất.

Vô lậu, Vô gián phần nào biểu hiện ở trước?

Có thuyết nói: Có cả ba, trừ thuận với phần lui sụt. Về lý thật ra chỉ có hai, nghĩa là hai thứ sau, các hữu tu tập siêu việt Đẳng chí, v.v..., chỉ thuận với quyết trạch, vì rất vững chắc vượt hơn.

Các Sư Du-già nói thế này: Nếu hành giả tu quán, đối với định của mình, không khéo thông đạt, không thường an trụ, đối với định của địa trên, không ưa mong cầu, thường hiện hành, thuận với tướng của địa dưới, đẳng trì của hành giả kia, gọi là thuận với phần lui sụt. Hoặc do địa mình lui sụt là nhiễm được gọi là thuận với phần thoái, Bồ-đặc-già-la thành tựu định này, gọi là người lui sụt. Như thành bò đi, gọi là bò. Hung dữ khó quay lại, nói là bò đi. Ở tự địa tham đắm không xả đối với định của địa trên, không ưa mong cầu. Đẳng trì của hành giả kia, gọi là thuận với phần trụ. Ở định của địa mình dù thường an trụ mà không mê đắm đối với định của địa trên, ưa thích, dẫn dắt lên, đẳng trì của hành giả đó, gọi là thuận với phần thắng tiến. Đối với định địa trên của mình, đều không mê đắm, thường an trụ tư tưởng nhằm chán. vì muốn cho dứt trừ, đẳng trì của hành giả kia, gọi là thuận với phần quyết trạch. Các hữu an trụ, thuận với phần lui sụt, đối với quả rộng lớn, tâm bị ràng

buộc nhiều. Các hành giả an trụ thuận với phần trụ, thường ở định mình, không cầu định của địa trên. Có những người an trụ thuận với thắng tiến, hay lần lượt cầu mong định vượt hơn khác. Tuy nhiên, phần thắng tiến gồm có hai thứ:

1. Công đức cao quý của địa mình.
2. Công đức cao quý của địa trên.

Nếu dẫn dắt được địa kia, gọi là thuận với phần thắng tiến. Phần này có hai loại: Hoặc chán, hoặc ưa thích. Có những người an trụ thuận quyết trạch, ưa dứt các hữu, ưa tu vô lậu, đó gọi là an trụ. Bốn phần, là khác nhau, nếu thuận với phiền não, gọi là thuận với phần lui sụt. Các A-la-hán đâu có lý lui sụt, không phải A-la-hán kia cũng có định thuận với phần thối, có thể khiến cho hiện hành, vì lìa xả nhiễm?

Dù có vấn nạn này, nhưng thật sự không có sai trái, nghĩa là có người thuận với phần lui sụt trong trụ, cũng được lập thuận ra tên phần thoái. Từ địa kia có lui sụt như trước đã nói.

Bốn loại này đối với nhau sinh ra nhau. Loại đầu có thể sinh hai, nghĩa là thuận với phần trụ, phần thoái, thứ hai đời ba, trừ thuận quyết trạch, thứ ba đời ba, trừ thuận phần thoái, thứ tư sinh một, nghĩa là địa mình chẳng phải địa khác.

Có thuyết nói: Cũng sinh thuận với phần thắng tiến.

Như trên đã nói: Tịnh và vô lậu địa trên, địa dưới đều có thể siêu việt đến thứ ba, hành giả làm sao tu siêu việt Đẳng chí, gia hạnh thành mãn sai khác thế nào? Tụng rằng:

*Hai thứ định thuận, nghịch
Quân, gián, thứ và vượt
Đến gián vượt là thành
Ba châu lợi Vô học.*

Luận chép: Đẳng chí vốn thiện chia làm hai loại:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu.

Đi qua địa trên gọi là thuận. Trở xuống địa dưới, gọi là nghịch. Đồng loại gọi là quân, khác loại gọi là gián, gần nhau gọi là Thứ. Siêu việt một, gọi là siêu. Nghĩa là quán hành giả khi tu siêu việt định, trước đối với Đẳng chí của tám địa hữu lậu, thuận, nghịch, quân, thứ hiện tiền thường tập. Kế là, đối với Đẳng chí của bảy địa vô lậu, thuận, nghịch, quân, thứ, thường tập hiện tiền. Kế là, đối với Đẳng chí hữu lậu, vô lậu, thuận, nghịch, gian, thứ thường tập hiện tiền. Kế là, đối với hữu lậu, thuận, nghịch, quân, siêu, thường tập hiện tiền, kế là, đối với thuận,

ngịch, quân siêu vô lậu, thường tập hiện tiền, đó gọi là tu tập siêu việt gia hạnh mãn. Về sau, đối với Đẳng chí hữu lậu, vô lậu, thuận, nghịch, gián, siêu, gọi là siêu định thành.

Siêu trong đây nghĩa là siêu tức khắc có hai:

1. Siêu việt địa.
2. Siêu việt pháp.

Chỉ vì siêu việt một, nên đến thứ ba, vì xa, nên không có khả năng siêu việt nhập thứ tư. Tu siêu Đẳng chí, chỉ người ba châu cõi Dục, trừ châu Câu-lô ở phía Bắc, nhưng có cả nam, nữ, các A-la-hán bất thời giải thoát, chủ yếu đặc vô tránh Diệu nguyện trí, v.v... Định bờ mé có thể siêu, không phải khác, vì định tự tại, vì không có phiền não, người thời giải thoát, dù không có phiền não, nhưng định không tự tại. Các vị Kiến chí dù định tự tại, nhưng vì có phiền não còn lại, nên đều không thể tu siêu Đẳng chí. Tác ý thắng giải không có khả năng Vô gián tu siêu Đẳng chí, vì thế lực yếu kém. Các Đẳng chí này dựa vào thân nào khởi? Tụng rằng:

*Các định nương dưới mình
Không trên vì vô dụng
Chỉ sinh Thánh Hữu Đảnh
Khởi dưới dứt sạch hoặc.*

Luận chép: Các Đẳng chí khởi dựa vào thân của địa dưới mình, dựa thân địa trên không chấp nhận khởi xuống, vì địa trên khởi xuống không tác dụng. Vì tự địa có định vượt hơn, địa dưới thế lực kém, vì đã từ xa, vì có thể chán chê, tướng mạo chung dù vậy, nhưng nếu nói kỹ, thì Thánh sinh Hữu Đảnh, sẽ siêu việt vô lậu, Vô sở hữu xứ là tận cùng của địa mình, phiền não khác tự không có Thánh đạo. Vì ưa thích khởi, nên chỉ Vô sở hữu, vì rất gần gũi, nên khởi vô lậu hiện tiền, dứt hết phiền não khác, lia đạo vô lậu, sẽ không có khả năng. Dứt hoặc còn lại của địa kia thành A-la-hán.

Cho nên, Hữu Đảnh, Vô sở hữu xứ vô lậu, nương thân chín địa, Vô sở hữu xứ hữu lậu chỗ dựa thân tám địa. Thức vô bên xứ hữu lậu, vô lậu nương thân bảy địa. Không vô bên xứ dựa vào thân sáu địa cho đến Sơ địa nương thân hai địa. Nghĩa là thân mình và cõi Dục, nếu thành tựu dựa vào hữu lậu, như khởi vô lậu, tất cả nương vào thân chín địa.

Trong các Đẳng chí nào duyên theo cảnh nào? Tụng rằng:

*Vị định duyên tự buộc
Duyên khắp tịnh vô lậu
Vô sắc thiện căn bản*

Không duyên hữu lậu dưới.

Luận chép: Vị định chỉ duyên pháp hữu lậu của địa mình, vì pháp hữu lậu là sự trói buộc. Nói bị trói buộc, là nói thuộc về ba hữu, không duyên pháp vô lậu vì chuyển biến hành tướng ái. Nếu ái vô lậu, thì không phải phiền não, không duyên pháp của địa trên, vì địa cõi ái riêng, không duyên pháp của địa dưới, vì đã lìa tham của địa kia, nên tịnh và vô lậu cùng duyên khắp địa trên, địa dưới. Vì hữu vi, vô vi đều làm cảnh, nên có sai khác, nghĩa là vô ký, vô vi, chẳng phải cảnh vô lậu, chỉ có đối với pháp, nói là năng duyên khắp, đều là đối tượng duyên, vì trước đã nói. Định Vô sắc thiện thuộc về địa căn bản, không duyên các pháp hữu lậu của địa dưới, vì pháp của địa dưới không vắng lặng thiện Vô sắc vốn rất vắng lặng. Vì lý này, nên kinh đối với Vô sắc, đều nói siêu việt tất cả địa dưới, đối với các tinh lự không nói như thế, vì vốn Vô sắc không duyên thuộc về địa dưới. Thế nên, ở địa dưới, lời siêu việt. Trong các tinh lự, vì có trí duyên khắp, nên đối với địa dưới không nói siêu việt. Đã nói là lời nói siêu việt sắc tướng, v.v... nên biết chỉ dựa vào siêu việt đối tượng duyên mà nói. Nếu siêu việt này vì làm sáng tỏ lìa lệ thuộc, nên nói siêu việt tất cả, không phải chỉ sắc tướng, v.v... Lại trong tinh lự nên nói siêu việt. Pháp của địa trên mình đều là chủ thể duyên, dù cũng duyên vô lậu của địa dưới, nhưng chỉ duyên loại không duyên phẩm pháp, vì chỉ chủ thể duyên tự hoàn toàn trị, không hoàn toàn trị pháp như trước đã nói. Lại, đạo phẩm pháp ở cõi Vô sắc dù chủ thể đối trị là khách, không phải chủ, cũng không thể duyên pháp của địa dưới diệt.

Đã ngăn dứt căn bản Vô sắc duyên địa dưới, về nghĩa chỉ có phần gần có duyên địa dưới, vì có khả năng đạo Vô gián kia sẽ duyên địa dưới.

Trong ba Đẳng chí: Vị, tịnh và vô lậu, những lực nào có công năng dứt các phiền não?

Tụng rằng:

*Vô lậu dứt được hoặc
Và các phần gần tịnh.*

Luận chép: Các định vô lậu đều có công năng dứt trừ hoặc, vốn tịnh còn không thể dứt hướng chi các nhiễm có thể dứt? nghĩa là vốn định tịnh không thể dứt hoặc của địa dưới, vì đã lìa nhiễm, không thể dứt hoặc của địa trên, vì vượt hơn mình, không thể dứt hoặc của mình với hoặc của địa mình, vì đồng một ràng buộc. Lại, vì mình đối với mình, không phải đối trị. Nếu phần gần tịnh cũng có thể dứt hoặc, vì đều dứt

thứ lớp địa dưới, nên tịnh thuộc về trung gian cũng không thể dứt.

Phần gần có bao nhiêu tương ứng với thọ nào? Ở ba vị, v.v... là đều có đủ hay không?

Tụng rằng:

*Phần gần tám xả tịnh
Đầu cũng Thánh hoặc ba.*

Luận chép: Các định phần gần, cũng có tám thứ, làm cửa vào tám định căn bản. Tất cả chỉ tương ứng với một xả thọ, vì tạo ra công dụng chuyển biến, vì chưa lìa sự sợ hãi của địa dưới. Tám phần gần này đều thuộc về định tịnh, chỉ phần gần đầu tiên cũng có cả vô lậu, đều không có Vị, vì đạo lìa nhiễm, nên bảy phần gần của địa trên không có vô lậu vì đối với pháp của địa mình, không chán trái, chỉ phần gần đầu tiên có cả vô lậu vì đối với pháp của địa mình có thể chán trái, địa này rất gần, vì cõi nhiều tai họa, vì các tham dục do tâm tứ khởi, địa này cũng có tâm tứ, vì tùy theo.

Nếu vậy, thì vì sao Tỳ-bà-sa nói: Các địa phần gần có Kết sinh tâm.

Vì chẳng phải không có tâm nhiễm mà có lý Kết sinh, nên phần gần có vị tương ứng. Nay, đối với đây, vì ngăn dứt có định nhiễm, không ngăn dứt nhiễm sinh, nên không trái nhau.

Hoặc Có sư khác nói thế này: Định của phần gần ban đầu cũng có định nhiễm, chưa khởi căn bản, cũng vì tham nhiễm này. Do đó, Vị chí có đủ ba thứ. Tĩnh lự trung gian và các phần gần vì là nghĩa không riêng, hay cũng có khác?

Về nghĩa cũng có khác, nghĩa là các phần gần là đạo lìa nhiễm, là nhân nhập căn bản, trung gian không như vậy. Lại, có nghĩa khác.

Tụng rằng:

*Tĩnh lự giữa không tâm
Đủ ba, chỉ xả thọ.*

Luận chép: Định phần gần, căn bản đầu tiên tương ứng với tâm, tứ. Trong bảy định trên, đều không có tâm, tứ, chỉ vì Tĩnh lự trung gian có từ, không có tâm, nên tĩnh lự đó vượt hơn sơ mà chưa đến thứ hai, vì y cứ nghĩa này, nên đặt danh từ trung gian. Do địa trên này không có tĩnh lự Trung gian, vì một địa lên, xuống không như thế, nghĩa là định Trung gian thuộc về Sơ tĩnh lự mà có sai khác. Nghĩa là trên tâm giảm này, lập trung gian, giảm gì thành khác, nên định trung gian đầu tiên không có trên.

Lẽ nào không phải kế kinh nói: Định bảy y, đâu biết có riêng Vị

chí, Trung gian?

Do có khế kinh và vì chánh lý. Vả lại, có Vị chí như khế kinh nói: “Các hữu chưa thể nhập sơ định, v.v... an trụ đầy đủ do tuệ Thánh, đối với hiện pháp được các lậu tận”.

Nếu không có Vị chí, thì tuệ Thánh sẽ dựa vào đâu? Lại, trong khế kinh Tô Sử Ma nói: Có tuệ giải thoát không được định căn bản. Lẽ nào không dựa vào định thành tuệ giải thoát. Do đó chúng biết có định Vị chí, có định Trung gian, như khế kinh nói: Tam-ma-địa có tâm, tứ, v.v... Kinh nói: Sơ định đều có với tâm, tứ. Tâm tứ trong đẳng thứ hai đều dứt.

Nếu không có Tĩnh lự Trung gian thì tĩnh lự nào có từ, không có tâm?

Vì tâm, tâm sở dứt dần, nên về lý, nên có định có từ không có tâm. Lại, vua Đại Phạm là chủ thế giới, lìa định Trung gian, định nào làm nhân vượt hơn?

Do đó, chúng biết có định Trung gian nhưng Phật không thường nói: Có Vị chí, Trung gian, do hai tức là thuộc về Sơ tĩnh lự. Nói Sơ tĩnh lự, tức đã nói địa kia chỉ phần gần của Sơ tĩnh lự gọi là Vị chí, vì muốn phân biệt phần gần khác, nên không phải phần gần này do định ở trước khởi. Lại, không phải trụ ở định này rồi khởi vị ái.

Căn cứ ở nghĩa như thế để đặt tên gọi Vị chí, không phải định bờ mé của địa trên, cũng gọi Vị chí, đều nhờ thế lực của định trước dẫn sinh, và khi trụ định kia rồi, là khởi vị.

Tỳ-bà-sa nói thế này: Chưa đến ả địa đặt tên Vị chí, nghĩa là đức của ả địa chưa hiện tiền. Định trung gian này đủ ba vị, v.v..., vì riêng lệ thuộc ở một xứ sinh, nghĩa là người tu tập tích cực định trung gian ở vị lai sẽ sinh lên xứ Đại Phạm, nên cũng đủ ba, như định căn bản, không phải địa căn bản khởi tham ái, địa kia như đối tượng vị có công năng riêng, vì vị cũng khác nhau. Vì định này có đức vượt hơn, vị đáng yêu, nên định vô lậu sinh, vì cũng giảm dần, nên định này cũng hoàn toàn tương ứng với xả thọ, vì không có thân ba thức, nên không có lạc thọ, không hỷ thọ, tức là không có định ban đầu, nhưng đối với tham của ban đầu, vì chưa thể lìa. Lại, vì chuyển biến công dụng tự cố gắng, do đó nói là thuộc về khổ thông hành, không phải khổ ưu, nghĩa là đã ra khỏi cõi Dục, do đó hoàn toàn tương ứng với xả, thọ. Định này chiêu cảm quả của xứ Đại Phạm, đa số người tu tập đều làm Đại Phạm.

Đã nói Đẳng chí, đẳng trì thế nào?

Kinh nói: Đẳng trì gồm có ba thứ”:

1. Tam-ma-địa có tâm, có từ.
 2. Tam-ma-địa không có tâm, chỉ có từ.
 3. Tam-ma-địa không có tâm, không có từ.
- Ba thứ như thế, khác nhau thế nào?

Tụng rằng:

*Đầu dưới có tâm, tứ
Giữa chỉ tứ, trên không.*

Luận chép: Từ trước đến nay về sự nhân, thường nói ba thứ này. Nay, đối với phẩm này lược biểu thị rõ tướng riêng.

Tam-ma-địa có tâm, có từ. Nghĩa là đẳng trì tương ứng với tâm, tứ, Sơ tính lự này và thuộc về Vị chí, Tam-ma-địa không có tâm, chỉ có từ. Nghĩa là chỉ đẳng trì tương ứng với từ, đẳng trì này thuộc về địa tính lự Trung gian.

Tam-ma-địa không có tâm, không có từ. Nghĩa là không phải tâm, tứ tương ứng với đẳng trì, vì đẳng trì này từ phần gần của tính lự thứ hai, cho đến thuộc về Phi tướng, phi phi tướng. Khế kinh lại nói: Ba thứ đẳng trì:

1. Tam-ma-địa Không.
2. Tam-ma-địa Vô nguyện.
3. Tam-ma-địa Vô tướng.

Ba thứ như thế, khác nhau thế nào? Tụng rằng:

*Không là không, phi ngã
Vô tướng là diệt bốn
Vô nguyện là còn mười
Tương ứng hành tướng đế
Đây chung vô lậu tịnh Vô
lậu, ba môn thoát.*

Luận chép: Tam-ma-địa không, nghĩa là vì hai thứ hành tướng: Không, phi ngã tương ứng với đẳng trì, nên nói đẳng trì Không, đối trị gần có thân kiến. Thân kiến cũng có hai hành tướng: Nghĩa là hành tướng không, đối trị gần kiến ngã sở, hành tướng phi ngã, trị gần ngã kiến.

Quán pháp phi ngã, gọi là quán hành tướng phi ngã. Vô ngã ở đây gọi là hành tướng không. Do hành tướng không này, trị gần kiến ngã sở. Do trong đây đều không có ngã, nên pháp này chẳng phải ngã sở.

Tam-ma-địa Vô tướng, nghĩa là duyên bốn thứ hành tướng. Diệt đế tương ứng với đẳng trì, vì Niết-bàn lìa các tướng, nên gọi là Vô tướng, vì duyên Tam-ma-địa kia được danh từ Vô tướng.

Tướng lược có mười, nghĩa là năm sắc, v.v..., hai giống nam, nữ, ba tướng hữu vi. Hoặc tướng: là tên khác của nhân, vì Niết-bàn không có nhân, nên gọi là Vô tướng. Hoặc tướng, gọi là thượng, trung, hạ của uẩn thế gian, vì Niết-bàn khác với các tướng đó, nên gọi là Vô tướng.

Tam-ma-địa vô nguyện, nghĩa là duyên mười thứ hành tướng của đế khác tương ứng với đẳng trì. Mười hành tướng đó là: Khổ, phi thường, nhân, tập, sinh, duyên, đạo, như, hành, xuất.

Ba Tam-ma-địa Không, v.v... như thế, tướng Tam-ma-địa dù không có sai khác, nhưng căn cứ ở đối trị đối tượng duyên của ý ưa thích, nên không mong muốn ba hữu. Về lý, lại có thể như vậy, vì có tai họa lỗi. Đâu thể do ý ưa thích không mong muốn Thánh đạo, vì các Thánh đạo nương tựa thuộc về hữu?

Nếu vậy, thì đâu cần tu tập Thánh đạo?

Vì nhân có thể hưởng đến Niết-bàn này, nên không phải ngoài Thánh đạo được Niết-bàn. Vì cầu Niết-bàn, nên tu Thánh đạo. Đạo như thuyền bè, nên xả, cũng do ý ưa thích không mong muốn Thánh đạo. Duyên hành tướng đạo, cũng được gọi là vô nguyện, vì vốn tâm trông mong nhằm chán hữu vi. Tướng không, phi ngã, chẳng phải đối tượng chán lìa, vì giống với tướng Niết-bàn. Do hai hành tướng này, dù duyên pháp đáng nhằm chán, không nhận lấy tướng đáng nhằm chán, không được gọi là vô nguyện.

Ba đẳng trì này có cả vô lậu tịnh, vì thuộc về đẳng trì của thế gian xuất thế gian. Vì thuộc về thế gian, nên có cả mười một địa. Thuộc về xuất thế. Nghĩa là chỉ có cả bên bảy định trên chín địa, vì không có đức cao đẹp, nên vô lậu đối với đó gọi là ba môn giải thoát, vì có khả năng làm môn nhập cho Niết-bàn, không phải các pháp hữu lậu là môn giải thoát chân thật, vì tánh trụ thế gian trái với giải thoát.

Ba Tam-ma-địa duyên với cảnh riêng. Nghĩa là nếu hữu lậu không duyên tất cả pháp, nếu vô lậu không chỉ duyên khổ đế, thì Vô nguyện, có thể duyên khổ, tập, đạo đế. Vô tướng chỉ duyên diệt đế làm cảnh. Ba Tam-ma-địa niệm trụ khác nhau. Nghĩa là Vô tướng chỉ có pháp, còn lại đều có cả bốn. Khế kinh lại nói: Ba lớp đẳng trì:

1. Tam-ma-địa Không không.
2. Tam-ma-địa Vô nguyện vô nguyện.
3. Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng.

Ba tướng như thế, khác nhau thế nào? Tụng rằng:

Lại hai duyên Vô học

Lấy tướng không, phi thường

*Duyên sau, định Vô tướng
Phi trạch diệt, làm tĩnh
Người bất thời, hữu lậu
Lìa bảy phần gần trên.*

Luận chép: Ba đẳng trì này duyên Không ở trước, v.v... vì nhận lấy tướng không, v.v... nên đặt tên Không không, v.v... Đẳng trì không không duyên với Tam-ma-địa không Vô học trước, nhận lấy tướng không kia. Tướng không thuận với nhằm chán, vì vượt hơn phi ngã, nghĩa là người kia trước khởi đẳng trì Vô học, đối với tư duy tướng không của năm thủ uẩn, từ đây về sau, khởi đẳng trì tướng ứng với căn thiện cao quý, duyên Tam-ma-địa không Vô học ở trước, tư duy tướng Không, vì đối với không, nhận lấy không, nên gọi không không, như hỏa thiêu tử thi, dùng gậy trở qua trở lại tử thi rất ráo rồi, gậy cũng nên đốt.

Cũng thế, do không đốt phiền não rồi, lại nữa khởi định không chán lìa không ở trước. Lập lại đẳng trì không, hành tướng không, sau khởi tức lại tướng ứng với hành tướng Không, vì chỉ hành tướng không ở đây, rất có thể thuận với tướng chán lìa, nên hành tướng phi ngã thì không như thế.

Kiến phi ngã: Đối với các pháp hữu vi, khởi tâm chán trái, vì không như kiến không, nên các hữu đã thấy các pháp phi ngã, đối với các hữu cũng sinh ưa thích, vì đối với các hành, không xem xét kiến không, nên do định không này dù cả hai hành tướng đều có, nhưng chỉ gọi là không, chẳng gọi là phi ngã, vì không rất thuận với tướng chán lìa.

Vô nguyện: vô nguyện duyên đẳng trì Vô nguyện Vô học ở trước. Nhận lấy tướng chẳng phải thường, nghĩa là hành giả kia trước khởi đẳng trì Vô học, tư duy tướng không phải thường trong năm uẩn. Từ đây về sau, khởi đẳng trì tướng ứng với căn thiện cao quý, duyên Tam-ma-địa Vô nguyện, Vô học trước kia, tư duy tướng chẳng phải thường. Đối với Vô nguyện, không mong muốn, gọi là vô nguyện vô nguyện. Nên dụ để biểu thị rõ như trước nên biết.

Lập lại đẳng trì vô nguyện, hành tướng chẳng phải thường sau, khởi tức lại trở lại tướng ứng với hành tướng chẳng phải thường, chỉ vì hành tướng này, có khả năng duyên đạo nhằm chán, nên hành tướng không phải khổ, duyên Thánh đạo chẳng phải khổ hướng đến diệt khổ. Pháp khổ không thể hướng đến khổ tịch diệt, cũng không phải bốn nhân, v.v... có thể duyên Thánh đạo, vì Thánh đạo không thể khiến cho

khổ nối tiếp.

Bốn thứ như phi đạo, v.v... Đây là vì đạo chán lìa, nên không phải hành tướng ưa thích có thể bị chán lìa.

Lẽ nào không như vô nguyện, không muốn Thánh đạo, tạo ra bốn thứ như đạo, v.v..., đạo chán lìa này cũng như vậy?

So sánh này không đúng, vì vô nguyện, chính nhằm chán có gồm khởi tâm không mong muốn Thánh đạo, nghĩa là vô nguyện ở trước, chính là nhằm chán hữu, vì Thánh đạo dựa vào hữu, nên gồm cả không mong muốn. Mặc dù ý Thánh ưa nói đạo không mong muốn, đối với Thánh đạo, vì không phải chính chán ghét, nên cũng có thể tạo ra bốn thứ như đạo, v.v... vì vô nguyện, vô nguyện chính là đạo chán ghét, nên dùng phi thường để quán lỗi của đạo, hành tướng đạo, v.v... không chấp nhận chán đạo, cho nên ở đây không tạo ra bốn thứ ấy.

Vô tướng, Vô tướng tức duyên Vô học. Tam-ma-địa Vô tướng lấy phi trạch diệt làm cảnh, vì pháp vô lậu không có trạch diệt, nên chỉ lấy tướng tĩnh, không phải Diệt, diệu ly. Nghĩa là hành giả kia trước, khởi đẳng trì Vô học, tư duy tướng tĩnh đối với trạch diệt. Từ đây về sau, khởi đẳng trì tương ứng với căn thiện cao quý, tức duyên Tam-ma-địa Vô tướng Vô học, dùng phi trạch diệt làm cảnh, tư duy tướng tĩnh, diệt ở Vô tướng, lại quán Vô tướng, gọi là Vô tướng Vô tướng. Nếu dụ để chỉ bày rõ ràng như trước nên biết lập lại, hành tướng tĩnh đẳng trì của Vô tướng, v.v..., sau khởi, tức lại tương ứng với hành tướng tĩnh, vì chỉ phi trạch diệt của chủ thể quán này, không phải cảnh của hành tướng diệt, vì vô ký, không phải hành tướng ly, vì dù chứng đắc phi trạch diệt kia, nhưng cũng tùy theo sự ràng buộc, nên không phải hành tướng diệt, do phi trạch diệt không phải giải thoát hẳn tất cả khổ. Lại, nếu quán diệt thì vì lạm quá không phải thường.

Nói tĩnh: Chỉ vì biểu thị rõ ngừng dứt, nên phi trạch diệt được có tướng tĩnh, do tu Thánh đạo, trải qua khổ nhọc vất vả trong thời gian lâu, trong lúc nghỉ ngơi kia, vì sinh ra tướng vui, nên Vô tướng lập lại, nhận lấy tĩnh, không phải chi khác. Ba đẳng trì lập lại, chỉ là hữu lậu, do sinh tướng chán lìa đối với Thánh đạo, nên không phải định vô lậu chán lìa Thánh đạo.

Hai duyên Thánh đạo, nhận lấy không, phi thường. Về lý, có thể gọi là chán lìa Thánh đạo, Vô tướng, Vô tướng chỉ duyên vô vi, tạo ra hành tướng tĩnh.

Sao gọi là nhằm chán đạo?

Vì hành giả này ưa thích nhân không đối của đẳng trì Vô tướng,

Vô học, nên gọi là nhàm chán đạo, nghĩa là nghĩa khởi của định kia, nói thế này: “Đẳng trì Vô tướng bất sinh là đúng”.

Hành giả này đã ưa ca ngợi Thánh đạo bất sinh, sao không gọi chán lìa Thánh đạo?

Định Vô tướng ở trước không phải đối tượng duyên của định này, sao định này gọi là Vô tướng, Vô tướng?

Hoặc nên thừa nhận, định này không duyên phi trạch diệt, chỉ duyên Vô tướng Vô học bất sinh. Giải thích này cũng không đúng. Vì căn cứ giải thích trước, nghĩa là duyên phi trạch diệt Vô tướng. Phi trạch này cũng lìa các tướng, vì duyên Vô tướng, Vô tướng gọi là Vô tướng duyên theo cảnh Vô tướng tạo ra hành tướng tĩnh. Thế nên, định này từ cảnh đặt tên, chỉ có người ba châu khởi được định này, căn cứ cả nam, nữ, vì căn cứ thân nữ cũng có thể tự tại, vì tuổi thọ dài, ngắn, nên chỉ vị Vô học, vì người Hữu học chỉ ưa thích Thánh đạo, chưa thể nhàm chán. Điều này cũng không phải tất cả, chỉ có Bất thời giải thoát, vì Thời giải thoát yếu mền Thánh đạo, căn cứ mười một địa, trừ bảy bên trên, vì bảy bên trên không có đức vượt hơn. Nếu ở cõi Dục, từ khi thuộc về Vị chí, sau Thánh đạo khởi, nếu ở Hữu Đảnh. Vô sở hữu gồm nhiếp sau Thánh đạo sinh, địa khác đều sau Thánh đạo của địa mình khởi, căn cứ ở loại chung để nói, định này từ pháp, loại khổ diệt, bốn trí Vô gián sinh, nếu căn cứ riêng để nói, thì người thuộc cõi Dục, không phải loại sau sinh. Người thuộc về cõi trên, sau phi pháp khởi, hai phi diệt trước, về sau khởi phi khổ thứ ba, hành tướng khác của sinh sau. Về sau, vì khởi định này, nên được định này, đều là lúc tận trí do ly nhiễm đắc. Về sau, do gia hạnh mới khởi hiện tiền, chỉ Thế tôn ta không do gia hạnh, thuận với hương giải thoát khởi hiện tiền này, đối với đạo, còn nhàm chán, lẽ nào ưa thích các hữu. Sau đây cũng khởi Thánh đạo hiện tiền, nhưng vì nhàm chán đạo, nên chẳng phải Vô gián khởi.

Người thuộc cõi Dục là do tư duy thành, do tu thành khác căn cứ ở định khởi. Khế kinh lại nói: Có bốn tu đẳng trì:

1. Trụ hiện pháp lạc, tu Tam-ma-địa.
2. Vì được biết hơn tri kiến tu Tam-ma-địa.
3. Vì được tuệ phân biệt, tu Tam-ma-địa.
4. Vì các lậu hết hẳn, tu Tam-ma-địa.

Bốn thứ như thế, khác nhau thế nào? Tụng rằng:

Vì được vui hiện pháp

Tu các tinh lự thiện

Vì được tri kiến hơn

*Tu tịnh thiên nhãn thông.
 Vì được tuệ phân biệt
 Tu các gia hạnh thiện
 Vì đắc các lậu tận
 Tu định Kim cương dụ.*

Luận chép: Như khế kinh nói: Có tu đẳng trì hoặc tập, hoặc tu, hoặc thực hành nhiều, được hiện lạc trụ, cho đến nói rộng.

Nói thiện là gồm cả tịnh và vô lậu, tu các tĩnh lự thiện, được lạc trụ hiện pháp, mà kinh chỉ nói Sơ tĩnh lự, nghĩa là vì trong đó, tưởng lạc rất tăng mạnh, nghĩa là vượt qua rất nhiều lỗi của cõi Dục, nên tưởng lạc đối với đây tăng nhiều, như đi dạo trên sa mạc nóng bức, mỗi một, khát nước, dù uống nước đục, cũng cảm thấy vui. Hoặc lạc Thánh đạo, vì ở đây có đủ, nghĩa là đủ tất cả pháp phần Bồ-đề, bốn quả Sa-môn, chín dứt biết khắp đối trị ba cõi. Lại, nhân vui các định, đứng đầu các định, cho nên nói riêng.

Lẽ nào không phải kinh nói: Như thế, Bí-sô! Trụ trong Thánh đạo này trước thọ ly sinh hỷ lạc, sau sinh Phạm chúng, thọ vui đồng với đây. Vì sao không nói lạc trụ pháp sau?

Rõ ràng ở đây chỉ nói hiện pháp lạc, là vì khiến dứt xả thú vui, vui hiện lạc, nói thú vui hiện định, để cho hành giả kia ưa vui. Hoặc hiện lạc trụ là chỗ dựa niềm vui sau, chỉ nói đối tượng nương tựa, chủ thể nương tựa đã hiển rõ, như khế kinh nói: Trước trụ trong đây, nhập các Đẳng chí. Về sau, mới sinh Phạm chúng kia. Hoặc hiện pháp lạc, ba thừa đều trụ, thú vui sau không chắc chắn, cho nên không nói, nghĩa là hoặc lui sụt, sa ngã, hoặc thọ sinh ở địa trên, hoặc nhập Niết-bàn ấy là vì không trụ, nên dù các tĩnh lự, tức hiện pháp lạc, vì dựa vào phần gần, nên nói là lời nói được, vì sức tu phần gần, được căn bản. Hoặc tức chỗ dựa hiện lạc, nói là lời nói được, như nói tự thể của con cô gái bất dục, nên không có lỗi.

Có thuyết nói: Định này, Đức Phật dựa vào tự nói, như nói: “Bồ-tát ở rừng Thiệm-bộ, khởi thế gian đầu tiên, chỗ dựa định vô lậu dắt dẫn tất cả niềm vui chung của hữu tình. Do đó, không nói pháp lạc trụ sau, tức là do đấy, nên cũng chỉ nói là đầu tiên. Bây giờ, Bồ-tát chỉ được đầu tiên. Nếu chỗ dựa các định, tu thiên nhãn thông, thì sẽ đạt được tri kiến cao quý.

Định này căn cứ ở nghĩa nào để đặt danh từ tri kiến?

Trong tĩnh lự căn bản, có trí soi rọi khắp, vì sự chiếu khắp này, nên đặt dùng tên kiến, thể của kiến tức là cái biết, nên gọi là tri kiến.

Nhân căn gọi là kiến, thế gian cực thành. Vì phân biệt khác với kiến kia, nên dùng biết để nêu rõ kiến. Hoặc tức kiến này, vì quyết đoán đối tượng duyên, nên gọi là biết, tức cũng gọi là kiến, nghĩa là tĩnh lực căn bản là ưa thực hành đạo, không nhiều khổ nhọc, mà hiện tiền, vì không khổ nhọc, nên thể của kiến rất vững chắc, vì thể vững chắc nên dụng chắc chắn, vì dụng chắc chắn nên lập dùng biết gọi kiến, vì nghĩa như trước nên gọi tri kiến, vì tri là kiến. Tu đẳng trì này tức là vì cầu nghĩa soi rọi chắc chắn. Đẳng trì này cũng là đấng Thiện Thệ dựa vào mình mà nói, nghĩa là vì chứng tỏ Phật dùng thiên nhãn thông quán sát tai nạn nguy hiểm sinh tử của hữu tình, mới cứu giúp khởi tĩnh lực, v.v..., nên là tri kiến tu thiên nhãn thông.

Có sư khác nói: Vì muốn chế phục vượt hơn các tùy phiền não khởi tri kiến vượt hơn. khởi tri kiến vượt hơn này không là tướng ánh sáng. Tướng ánh sáng này dẫn thiên nhãn thông. Do thiên nhãn thông kia được tri kiến vượt hơn. Nếu tu các gia hạnh thiện của ba cõi và vô lậu thiện được tuệ phân biệt, nghĩa là từ cõi Dục cho đến Hữu Đảnh, pháp thiện được thành do các văn, tư, tu và tất cả hữu vi, vô lậu khác. Nói chung, gọi là pháp thiện gia hạnh. Tu pháp thiện này, có thể dẫn tuệ sinh, vì sai khác đối với các cảnh mà chuyển, nên nói tu pháp thiện này được tuệ phân biệt, như nói đấng Thiện Thệ trụ hai tâm, tư, có khả năng biết như thật các thọ khởi, v.v... điều này chứng tỏ tu thiện được tuệ phân biệt, gọi là lời nói gia hạnh vì phân biệt sinh đặc, không phải tu tập sinh đặc, vì được chưa từng được. nếu tu định Kim cương dụ, thì sẽ được các lậu hết hẳn. Nghĩa là nếu tu tập tĩnh lực thứ tư định Kim cương dụ và pháp tùy chuyển, ấy là có thể đạt được các lậu hết hẳn.

Tĩnh lực thứ tư Đức Phật căn cứ ở tự nói, vì Bồ-đề vô thượng dựa vào tĩnh lực này mà được, nên định Kim cương dụ nhất định chứng đắc ngay lậu tận, dẫn Tận trí sinh.

Cho nên, nói riêng.

Có thuyết nói: Tất cả dứt trị của Hữu Đảnh, tĩnh lực thứ tư đều thuộc về Hữu Đảnh này. Kinh này đã nói: Hoặc tập, hoặc tu, hoặc nhiều thực hành. Về nghĩa sai khác: Vì muốn biểu thị rõ tu tập, tu đặc, đối tượng đối trị lại xa, như thứ lớp của sự tu đó.

